

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140 /2023/DS-PT

Ngày 16 - 3 - 2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt.

Ông Võ Ngọc Giàu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2022/TLPT-DS ngày 30/11/2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 161/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐ-PT ngày 13/01/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú H, xã Phú N, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà Từ Thị H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp Phú H, xã Phú N, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Từ Thị H: Bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Hòa T, xã Long K, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1958 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú H, xã Phú N, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà tham gia chơi hội có lãi giá 3.000.000 đồng do bà H, ông D làm chủ thảo (ký hiệu trong danh sách hội của bà H là 21D), hội khai ngày 12/5/2018 (âm lịch), 03 tháng khai 01 lần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hốt hội là 1.500.000 đồng. Dây hội này bà góp được 14 lần hội sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 40.500.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà H, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 40.500.000 đồng, trả tiền 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Từ Thị H trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của bà B là đúng sự thật. Bà B có tham gia góp hội do bà và chồng là ông D làm chủ thảo. Dây hội này bà B góp được 14 lần với số tiền 28.000.000 đồng.

Bà thừa nhận để tạo lòng tin cho các hội viên khi rủ họ tham gia chơi các dây hội do bà làm chủ thảo, bà có thỏa thuận: “hội có lãi (góp hội sống được tiền hội chết), bà cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hội viên chưa hốt hội (hội sống) và choàng tiền hội cho các hội viên chậm góp hội (hội chết) nếu những người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hội để giao tiền cho hội viên hốt hội và nhận tiền hoa hồng của dây hội theo thỏa thuận” nhưng đến nay không thực hiện được cam kết này là do một phần ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, quá nhiều các hội viên đã hốt hội không góp lại tiền hội chết theo thỏa thuận nên bà không còn khả năng choàng hội, dẫn đến phải ngưng hội nên vợ chồng bà xin trả lại số tiền góp hội của bà B là 28.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Bị đơn ông Nguyễn Hùng D trình bày:

Ông thừa nhận vợ chồng ông, bà còn nợ bà B số tiền góp hội là 28.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 226, 227, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 40.500.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Miễn án phí cho bà H, ông D.

Hoàn lại cho bà B 1.050.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016530 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 13/9/2022, bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D có đơn kháng cáo yêu cầu: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông bà, chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 28.000.000 đồng

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bà Võ Thị Minh T – đại diện theo ủy quyền của bà Từ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà H và ông D.

- Bà Nguyễn Thị B không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà H và ông D, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bà H và ông D kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà H và ông D là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hùng D vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 7 Điều 4 và điểm b khoản 2 Điều 16, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, biểu, phường quy định: *“Họ có lãi là họ mà thành viên được lĩnh họ nhận các phần họ khi đến kỳ mở họ và phải trả lãi cho các thành viên khác. Thành viên trong họ có lãi có các nghĩa vụ trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh họ khi được lĩnh họ. Nghĩa vụ của chủ họ: nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 25), bà H thừa nhận: đây hội bà B tham gia là hội có lãi và bà B đã góp hội được 14 lần với số tiền vốn hội là 28.000.000 đồng, nếu tính hội có lãi thì bà B đã góp được 40.500.000 đồng sau khi trừ tiền hoa hồng (gồm hội đã góp và tiền lãi hội). Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B yêu cầu vợ chồng bà H, ông D trả tiền hội có lãi số tiền 40.500.000 đồng và bản án sơ thẩm đã xử buộc vợ chồng bà H, ông D trả cho bà B số tiền 40.500.000 đồng, là có cơ sở. Bởi lẽ, lãi suất trong hội do các thành viên của đây hội thỏa thuận thấp hơn so với lãi suất theo quy định.

Hơn nữa vợ chồng bà H, ông D thừa nhận: giữa vợ chồng ông bà thỏa thuận với các hội viên tham gia là cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền hội của các hội viên chưa hót và choàng tiền hội chết nếu những hội viên chậm góp hội (hội chết) để giao cho hội viên được hót hội và vợ chồng bà được nhận tiền hoa hồng của đây hội theo thỏa thuận. Bà H cho rằng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, nhiều hội viên đã hót hội không góp lại tiền hội chết, nên bà không còn khả năng choàng hội dẫn đến phải ngưng hội; vợ chồng bà chỉ đồng ý trả tiền vốn hội là 28.000.000 đồng cho bà B. Xét thấy: việc bà H, ông D chỉ đồng ý trả tiền vốn hội cho bà B số tiền 28.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nêu trên. Bà H và ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh các hội viên đã hót hội không góp tiền hội chết cho vợ chồng ông bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T – đại diện theo ủy quyền của bà H thừa nhận: vợ chồng bà H, ông D chưa có khởi kiện ai trong các hội viên đã hót hội không góp lại tiền hội chết cho vợ chồng bà.

Bà H cho rằng giữa bà và bà B có thỏa thuận bà B đồng ý cho vợ chồng bà trả tiền vốn hội là 28.000.000 đồng (Bút lục 25). Bà B không thừa nhận có sự thỏa thuận này. Bà H và ông D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa vợ chồng ông bà với bà B có thống nhất thỏa thuận này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H, ông D và bà T – đại diện theo ủy quyền của bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà H và ông D là không có cơ sở để chấp nhận; án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, cần thiết giữ nguyên.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà H và ông D không được chấp nhận nên bà H và ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà H và ông D là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; căn cứ vào

Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà H và ông D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 226, 227, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 40.500.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí cho bà H, ông D.

Hoàn lại cho bà B 1.050.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016530 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà H, ông D.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các

điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện CL;
 - CCTHADS huyện CL;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2023-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung